



TON DONG A

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÝ III/2023

THÁNG 10 NĂM 2023



**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2023	Số đầu kỳ 01/01/2023
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		6.674.171.544.550	7.410.177.790.095
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	718.856.743.463	829.814.067.681
Tiền	111		556.856.743.463	814.814.067.681
Các khoản tương đương tiền	112		162.000.000.000	15.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	786.839.000.000	1.162.000.058.794
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		786.839.000.000	1.162.000.058.794
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.596.862.078.440	1.964.647.427.052
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	1.316.124.642.670	1.070.004.881.901
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	32.054.523.814	7.958.820.479
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	219.500.000.000	835.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	48.106.795.825	102.521.170.237
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.3	(18.923.883.869)	(50.837.445.565)
IV. Hàng tồn kho	140		3.331.733.976.320	3.290.690.692.843
Hàng tồn kho	141	V.7	3.394.638.811.171	3.348.787.967.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(62.904.834.851)	(58.097.274.651)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		239.879.746.327	163.025.543.725
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	23.560.827.652	20.150.911.938
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	V.15	215.386.915.681	142.097.852.823
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.15	932.002.994	776.778.964

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần I, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2023	Số đầu kỳ 01/01/2023
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.907.756.212.135	2.895.371.944.017
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.186.161.839	6.372.076.839
Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.4	6.435.000	6.435.000
Phải thu dài hạn khác	216	V.5	11.179.726.839	6.365.641.839
II. Tài sản cố định	220		2.314.645.903.001	2.541.112.283.063
Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	2.104.144.257.081	2.358.723.131.132
- Nguyên giá	222		4.543.728.984.028	4.568.517.430.737
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(2.439.584.726.947)	(2.209.794.299.605)
Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	88.586.623.520	60.887.311.423
- Nguyên giá	225		106.248.712.297	72.177.201.086
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	226		(17.662.088.777)	(11.289.889.663)
Tài sản cố định vô hình	227	V.11	121.915.022.400	121.501.840.508
- Nguyên giá	228		138.275.724.227	136.987.144.227
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(16.360.701.827)	(15.485.303.719)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	20.855.182.801	3.175.888.322
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.855.182.801	3.175.888.322
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	270.640.000.000	30.640.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		270.640.000.000	30.640.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		290.428.964.494	314.071.695.793
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	275.577.106.228	292.424.812.499
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		14.851.858.266	21.646.883.294
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		9.581.927.756.685	10.305.549.734.112



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B01 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2023

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ 30/09/2023	Số đầu kỳ 01/01/2023
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		5.869.781.117.223	6.857.008.081.757
I. Nợ ngắn hạn	310		5.804.623.495.054	6.766.306.891.008
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	1.014.600.120.466	1.263.889.355.033
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	31.577.982.412	47.556.986.156
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	88.079.995.799	78.471.005.736
Phải trả người lao động	314		24.837.317.540	19.914.763.583
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		6.777.188.798	22.009.509.868
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	112.015.211.396	12.141.249.931
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	4.492.606.424.410	5.265.965.935.896
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		34.129.254.233	56.358.084.805
II. Nợ dài hạn	330		65.157.622.169	90.701.190.749
Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	3.346.981.117	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	61.810.641.052	35.015.526.787
Trái phiếu chuyển đổi	339	V.18	-	55.685.663.962
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.712.146.639.462	3.448.541.652.355
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	3.712.146.639.462	3.448.541.652.355
Vốn cổ phần	411		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411A		1.146.915.100.000	1.146.915.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		834.436.453.483	834.436.453.483
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		1.931.977.742	1.931.977.742
Quỹ đầu tư phát triển	418		3.430.602.730	3.430.602.730
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.725.432.505.507	1.461.827.518.400
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421A		1.461.515.076.397	1.738.335.705.755
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421B		263.917.429.110	(276.508.187.355)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		9.581.927.756.685	10.305.549.734.112

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc



TON DONG A

TÔN KÈM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF ISO 9001 ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG ÁĐịa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B02 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý III năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ III		LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM	
			Năm 2023	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2022
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.1	4.098.182.053.339	4.216.261.172.124	12.831.958.667.571	17.322.325.344.243
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VI.1	10.654.029.583	9.800.013.221	18.011.212.383	40.541.433.743
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.1	4.087.528.023.756	4.206.461.158.903	12.813.947.455.188	17.281.783.910.500
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	VI.2	3.876.696.851.901	4.267.591.278.494	11.993.343.423.811	16.021.422.073.373
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ cung cấp (20 = 10 - 11)	20		210.831.171.855	(61.130.119.591)	820.604.031.377	1.260.361.837.127
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.1	97.587.423.202	97.025.888.668	319.520.038.913	290.892.087.239
7. Chi phí tài chính	22	VI.3	83.830.592.159	84.093.955.754	287.172.609.382	276.649.094.058
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		62.311.619.312	48.044.783.580	239.967.603.813	163.157.975.313
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	154.970.604.577	183.922.142.616	539.804.363.401	1.012.042.006.717
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	(5.899.499.207)	20.237.911.495	29.951.573.205	106.106.988.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20 + (21 - 22) - (24 + 25))	30		75.516.897.528	(252.358.240.788)	283.195.524.302	156.455.835.358
11. Thu nhập khác	31	VI.6	2.975.495.861	2.319.978.731	5.233.978.811	8.915.204.250
12. Chi phí khác	32	VI.6	6.332.461.850	1.912.316.043	6.430.506.491	2.177.328.648
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(3.356.965.989)	407.662.688	(1.196.527.680)	6.737.875.602
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		72.159.931.539	(251.950.578.100)	281.998.996.622	163.193.710.960
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	(4.902.352.550)	(52.078.328.087)	11.286.542.484	29.627.112.134
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.7	17.412.853.127	6.905.694.088	6.795.025.028	9.918.511.562
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		59.649.430.962	(206.777.944.101)	263.917.429.110	123.648.087.264

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)



Hồ Song Ngọc

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

09 Tháng năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	09 Tháng năm 2023	09 Tháng năm 2022
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1	281.998.996.622	163.193.710.960
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2	256.002.421.223	258.777.247.905
Hoàn nhập (trích lập) dự phòng	3	(27.106.001.496)	101.703.557.727
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	4	-	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	5	(171.655.983.119)	(157.337.165.380)
Chi phí lãi vay	6	239.967.603.813	163.157.975.313
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8	579.207.037.043	529.495.326.525
Tăng (giảm) các khoản phải thu	9	(297.767.640.327)	908.207.590.294
Tăng hàng tồn kho	10	(45.850.843.677)	(31.512.836.044)
Giảm các khoản phải trả	11	(169.963.831.144)	(1.774.346.365.037)
Giảm chi phí trả trước	12	13.437.790.557	21.108.306.376
Tiền lãi vay đã trả	14	(243.633.102.557)	(169.078.478.623)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(199.185.375)	(67.707.853.448)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(22.747.372.565)	(60.940.576.409)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(187.517.148.045)	(644.774.886.366)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi để mua sắm tài sản cố định	21	(56.131.327.618)	(43.547.780.747)
Tiền thu do thanh lý tài sản cố định ("TSCĐ")	22	4.165.454.545	1.851.851.853
Tiền chi để mua trái phiếu, gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho vay	23	(6.696.233.494.720)	(4.640.651.450.538)
Tiền thu từ bán trái phiếu, tất toán tiền gửi ngân hàng và thu hồi khoản cho vay	24	7.446.894.553.514	4.344.039.688.842
Tiền thu lãi đầu tư trái phiếu, lãi tiền gửi và lãi cho vay	27	180.114.699.289	151.309.123.447
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư	30	878.809.885.010	(186.998.567.143)



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B03 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
09 Tháng năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	09 Tháng năm 2023	09 Tháng năm 2022
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	494.747.240.000
Tiền thu từ đi vay	33	12.479.301.991.640	13.976.921.741.385
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(13.261.812.517.987)	(13.313.250.489.836)
Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35	(19.739.534.836)	(13.296.549.958)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(114.390.510.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(802.250.061.183)	1.030.731.431.591
Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ	50	(110.957.324.218)	198.957.978.082
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	829.814.067.681	544.359.213.855
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	718.856.743.463	743.317.191.937

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Bình Dương, Ngày 28 tháng 10 năm 2023

Tổng Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

**Hồ Song Ngọc**



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY****1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tôn Đông Á (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 3700255880 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp ngày 2 tháng 2 năm 2009 và theo các GCNĐKDN điều chỉnh sau đó.

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty và công ty con (“Nhóm Công ty”) là sản xuất sắt, thép cán nóng, thép cán nguội, thép ống, gang, thép mạ, khung kèo thép và các sản phẩm cơ khí; mua bán sắt, thép, hàng mộc gia dụng, vật liệu xây dựng, hàng trang trí nội thất, vật tư, nguyên nhiên liệu, máy móc thiết bị; xây dựng dân dụng, công nghiệp; thi công hệ thống điện, nước công trình; vận chuyển hàng hóa đường bộ; và cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng.

3. Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường : 12 tháng.**4. Mô hình hoạt động:**

Công ty có trụ sở chính tại Số 5 Đường số 5, Khu Công nghiệp Sóng Thần 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có hai (2) văn phòng đại diện tại Số 18 - 20 Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam; và tại Tầng 2, Lô 201-203, Đường Lê Đức Thọ, Phường Trần Hưng Đạo, Thành phố Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định, Việt Nam và một (1) chi nhánh tại Lô A3, đường D4, Khu Công nghiệp Đồng An 2, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Nhóm Công ty vào ngày 30 tháng 09 năm 2023 là: 1.443 người (ngày 1 tháng 1 năm 2023: 1.465 người).

Cơ cấu tổ chức

Công ty có bốn (4) công ty con. Chi tiết như sau:

Danh sách công ty con	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)
1. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Long An Địa Chỉ: Lô D9, Đường số 4, Khu Công nghiệp Nhứt Chánh, Xã Nhứt Chánh, Huyện Bến Lức, Long An, Việt Nam	100	100
2. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Đà Nẵng Địa Chỉ: Lô E2, Đường số 7, KCN Hòa Khánh, Phường Hoà Khánh Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	100	100
3. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bình Dương Địa Chỉ: Lô CN16 ô số 9-10, đường số 6, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, Phường Phú Tân, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	100	100
4. Công ty TNHH Một thành viên Tôn Đông Á Bắc Ninh Địa Chỉ: Nhà RBF -Q, khu RBF, số 36, đường 05, VSIP Bắc Ninh, Xã Đại Đồng, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	100	100



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN****1. Kỳ kế Toán**

Kỳ kế toán của Nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Nhóm Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư hướng dẫn, bổ sung, sửa đổi.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Nhóm Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam. Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền. cụ và hàng hóa để bán lại

Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ III NĂM 2023

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Nhóm Công ty không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

4. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

5. Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

Tài sản thuê tài chính đã được ghi nhận được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****7. Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định thuê tài chính, và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc thiết bị	5 - 15 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà kho và lắp ráp dây chuyền sản xuất, máy móc và thiết bị của Nhóm Công ty mà các công việc này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Nhóm Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm, ngoại trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

10. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất trong thời hạn 30 và 45 năm. Theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 ban hành bởi Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

11. Các khoản đầu tư*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****12. Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

13. Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi, mà có thể được chuyển đổi thành một số lượng cổ phiếu phổ thông cố định, được phân chia thành nợ phải trả tài chính (cho phần thỏa thuận mang tính bắt buộc phải chi trả bằng tiền hoặc tài sản tài chính khác) và vốn chủ sở hữu (phần quyền chuyển đổi thành cổ phiếu trong một thời gian nhất định) theo điều khoản hợp đồng.

Vào ngày phát hành, giá trị hợp lý của thành phần nợ phải trả tài chính trong trái phiếu chuyển đổi được xác định bằng cách chiết khấu giá trị danh nghĩa của khoản thanh toán trong tương lai (gồm cả nợ gốc và lãi trái phiếu) về giá trị hiện tại theo lãi suất của trái phiếu không chuyển đổi tương tự trên thị trường và trừ đi chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Phần còn lại trong tổng tiền thu được từ phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ cho quyền chuyển đổi và được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu. Giá trị ghi sổ của quyền chuyển đổi không được đánh giá lại trong các kỳ sau.

14. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm Công ty là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất theo nguyên tắc sau;

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Nhóm Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

15. Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Nhóm Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Nhóm Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên:



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****Quý đầu tư phát triển**

Quý này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Nhóm Công ty.

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

16. Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

17. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

18. Thuế**Thuế thu nhập hiện hành**

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO) QUÝ III NĂM 2023

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tại chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Nhóm Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Nhóm Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Nhóm Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Tiền mặt	358.757.002	1.906.925.613
Tiền gửi ngân hàng	556.497.986.461	812.907.142.068
Các khoản tương đương tiền	162.000.000.000	15.000.000.000
TỔNG CỘNG	718.856.743.463	829.814.067.681

2. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	416.300.000.000	338.000.000.000
Trái phiếu	370.539.000.000	824.000.058.794
CỘNG	786.839.000.000	1.162.000.058.794
Dài hạn		
Trái phiếu	270.640.000.000	30.640.000.000
CỘNG	270.640.000.000	30.640.000.000
TỔNG CỘNG	1.057.479.000.000	1.192.640.058.794

3. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Các khách hàng khác	1.316.124.642.670	1.070.004.881.901
TỔNG CỘNG	1.316.124.642.670	1.070.004.881.901
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(18.923.883.869)	(50.837.445.565)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.297.200.758.801	1.019.167.436.336

Công ty đã sử dụng một số khoản phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****4. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
NGẮN HẠN		
Công ty TNHH Sản Xuất - Thương Mại - Dịch Vụ Minh Phát	7.758.917.896	957.487.832
Công Ty TNHH Xây Dựng Thương Mại Quảng Cáo Á Đông	8.968.456.806	985.017.925
Chongqing H&J Technology Co.,Ltd.	-	1.884.259.500
Nhà cung cấp khác	15.327.149.112	4.132.055.222
CỘNG	32.054.523.814	7.958.820.479
DÀI HẠN		
Nhà cung cấp khác	6.435.000	6.435.000
CỘNG	6.435.000	6.435.000
TỔNG CỘNG	32.060.958.814	7.965.255.479

5. PHẢI THU KHÁC

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
Lãi dự thu	23.959.020.527	27.113.407.579
Ký quỹ, ký cược	381.066.499	63.964.115.332
Phải thu chi hộ	6.761.513.303	6.733.062.844
Khác	17.005.195.496	4.710.584.482
CỘNG	48.106.795.825	102.521.170.237
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược	11.179.726.839	6.365.641.839
CỘNG	11.179.726.839	6.365.641.839
TỔNG CỘNG	59.286.522.664	108.886.812.076



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN**

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam(*)	200.000.000.000	435.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Quản Lý Và Đầu Tư Trường Giang	-	200.000.000.000
Công Ty Cổ Phần Đầu Tư Vinatex - Tân Tạo	-	200.000.000.000
Khác	19.500.000.000	-
TỔNG CỘNG	219.500.000.000	835.000.000.000

(*) Công ty Cổ Phần Mua Bán Nợ Và Quản Lý Tài Sản Việt Nam mở bảo lãnh thanh toán tại Ngân Hàng TMCP Tiên Phong

7. HÀNG TỒN KHO

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Thành phẩm	2.148.833.271.368	2.318.476.613.762
Nguyên liệu, vật liệu	846.372.660.703	737.144.529.551
Hàng đang đi trên đường	348.386.435.318	243.179.518.858
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	46.151.289.147	46.092.953.073
Công cụ, dụng cụ	3.126.308.723	2.839.352.303
Hàng hoá	1.768.845.912	1.054.999.947
TỔNG CỘNG	3.394.638.811.171	3.348.787.967.494
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(62.904.834.851)	(58.097.274.651)
Giá trị thuần	3.331.733.976.320	3.290.690.692.843

Công ty đã sử dụng một số hàng tồn kho của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	09T- 2023	09T- 2022
	VND	VND
Số đầu kỳ	58.097.274.651	7.783.034.076
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	4.807.560.200	74.984.995.672
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(6.730.456.266)
Số cuối kỳ	62.904.834.851	76.037.573.482



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn	23.560.827.652	20.150.911.938
Công cụ, dụng cụ đang dùng	14.257.121.900	12.150.751.421
Chi phí quảng cáo	-	247.511.721
Khác	9.303.705.752	7.752.648.796
Dài hạn	275.577.106.228	292.424.812.499
Tiền thuê đất trả trước (*)	201.598.422.910	206.419.284.385
Công cụ, dụng cụ đang dùng	53.157.917.652	51.550.283.958
Chi phí quảng cáo	8.029.489.173	21.121.155.245
Khác	12.791.276.493	13.334.088.911
TỔNG CỘNG	299.137.933.880	312.575.724.437

(*) Công ty đã sử dụng một số quyền sử dụng đất của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2023	800.265.710.241	3.526.868.326.419	223.885.179.285	17.114.886.979	383.327.813	4.568.517.430.737
Đầu tư xây dựng cơ bản	11.213.175.230	6.154.820.697	1.502.498.500	-	-	18.870.494.427
Mua trong kỳ	-	4.700.379.621	792.738.182	171.950.000	-	5.665.067.803
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	4.798.000.000	-	-	4.798.000.000
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(46.158.695.942)	(7.963.312.997)	-	-	(54.122.008.939)
Tại ngày 30/09/2023	811.478.885.471	3.491.564.830.795	223.015.102.970	17.286.836.979	383.327.813	4.543.728.984.028
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	22.775.003.306	318.453.003.393	16.815.412.815	13.022.985.279	-	371.066.404.793
Giá trị khấu hao lũy kế						
Tại ngày 01/01/2023	211.508.577.012	1.857.884.110.122	125.236.230.053	14.987.081.383	178.301.035	2.209.794.299.605
Khấu hao trong kỳ	27.238.746.795	187.201.618.254	15.627.895.815	509.850.868	31.482.900	230.609.594.632
Phân loại từ tài sản cố định thuê tài chính	-	-	1.599.333.340	-	-	1.599.333.340
Thanh lý, nhượng bán, xóa sổ	-	(273.306.049)	(2.145.194.581)	-	-	(2.418.500.630)
Tại ngày 30/09/2023	238.747.323.807	2.044.812.422.327	140.318.264.627	15.496.932.251	209.783.935	2.439.584.726.947
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2023	588.757.133.229	1.668.984.216.297	98.648.949.232	2.127.805.596	205.026.778	2.358.723.131.132
Tại ngày 30/09/2023	572.731.561.664	1.446.752.408.468	82.696.838.343	1.789.904.728	173.543.878	2.104.144.257.081



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	-	72.177.201.086	72.177.201.086
Mua trong kỳ	26.241.620.302	12.627.890.909	38.869.511.211
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(4.798.000.000)	(4.798.000.000)
Tại ngày 30/09/2023	26.241.620.302	80.007.091.995	106.248.712.297
Giá trị khấu hao lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	11.289.889.663	11.289.889.663
Khấu hao trong kỳ	491.986.219	7.479.546.235	7.971.532.454
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	(1.599.333.340)	(1.599.333.340)
Tại ngày 30/09/2023	491.986.219	17.170.102.558	17.662.088.777
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	-	60.887.311.423	60.887.311.423
Tại ngày 30/09/2023	25.749.634.083	62.836.989.437	88.586.623.520

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Tại ngày 01/01/2023	117.526.300.000	19.460.844.227	136.987.144.227
Mua mới	-	1.288.580.000	1.288.580.000
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
Tại ngày 30/09/2023	117.526.300.000	20.749.424.227	138.275.724.227
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	-	12.058.711.727	12.058.711.727
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Tại ngày 01/01/2023	-	15.485.303.719	15.485.303.719
Hao mòn trong kỳ	-	875.398.108	875.398.108
Tại ngày 30/09/2023	-	16.360.701.827	16.360.701.827
Giá trị còn lại:			
Tại ngày 01/01/2023	117.526.300.000	3.975.540.508	121.501.840.508
Tại ngày 30/09/2023	117.526.300.000	4.388.722.400	121.915.022.400



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Mua sắm tài sản	17.960.122.801	2.484.716.322
Khác	2.895.060.000	691.172.000
TỔNG CỘNG	20.855.182.801	3.175.888.322

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Ngắn hạn		
Công Ty TNHH JFE Shoji Việt Nam	470.948.207.654	545.984.536.256
Công ty TNHH Posco - Việt Nam	35.789.936.436	127.838.358.943
Công ty TNHH Becker Industrial Coatings Việt Nam	101.854.411.667	153.495.036.312
Phải trả cho người bán khác	406.007.564.709	436.571.423.522
TỔNG CỘNG	1.014.600.120.466	1.263.889.355.033
Dài hạn		
Công ty TNHH Thiết kế -XD-TM Thiên An	2.386.541.097	-
Công ty TNHH KT và TM Khang Việt	590.344.450	-
Phải trả cho người bán khác	370.095.570	-
TỔNG CỘNG	3.346.981.117	-
TỔNG CỘNG	1.017.947.101.583	1.263.889.355.033

14. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Able Sheet Metal, INC	5.497.247.193	1.115.695.890
PT.Kepuh Kencana Arum	5.724.622.436	5.726.426.680
PT.Great Fortune	8.266.381.263	20.517.893.693
Người mua trả tiền trước khác	12.089.731.520	20.196.969.893
TỔNG CỘNG	31.577.982.412	47.556.986.156



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số dư tại ngày 01/01/2023	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Số dư tại ngày 30/09/2023
<i>Đơn vị tính: VND</i>				
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	767.717.530	-	-	767.717.530
Thuế giá trị gia tăng	142.097.852.823	1.304.302.467.898	1.231.013.405.040	215.386.915.681
Thuế Thu nhập cá nhân	2.041.434	162.244.030	-	164.285.464
Khác	7.020.000	-	7.020.000	-
TỔNG CỘNG	142.874.631.787	1.304.464.711.928	1.231.020.425.040	216.318.918.675
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	199.185.375	11.286.542.484	200.909.525	11.284.818.334
Thuế giá trị gia tăng	77.626.507.995	1.249.826.109.010	1.250.882.334.652	76.570.282.353
Thuế thu nhập cá nhân	645.312.366	7.290.293.043	7.744.180.297	191.425.112
Thuế bảo vệ môi trường	-	227.870.000	194.400.000	33.470.000
Thuế nhập khẩu	-	463.318.818	463.318.818	-
Khác	-	117.027.644	117.027.644	-
TỔNG CỘNG	78.471.005.736	1.269.211.160.999	1.259.602.170.936	88.079.995.799

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
UPAS L/C (*)	87.644.406.336	-
Quảng cáo	145.454.546	295.528.518
Khác	24.225.350.514	11.845.721.413
CỘNG	112.015.211.396	12.141.249.931

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi các ngân hàng thương mại cổ phần.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐỒNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế: 3700255880

Mẫu số B09 - DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

	30/09/2023 VND	01/01/2023 VND
Vay ngắn hạn		
Vay ngân hàng	4.427.435.684.775	5.228.447.961.048
Vay dài hạn đến hạn trả của bên liên quan	-	23.600.000.000
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	9.485.075.673	13.917.974.848
Trái phiếu chuyển đổi (<i>Thuyết minh số 18</i>)	55.685.663.962	-
	4.492.606.424.410	5.265.965.935.896
CỘNG		
Vay dài hạn		
Vay ngân hàng	-	-
Nợ thuê tài chính	61.810.641.052	35.015.526.787
Vay các bên liên quan	-	-
	61.810.641.052	35.015.526.787
CỘNG		
	4.554.417.065.462	5.300.981.462.683

	30/09/2023		01/01/2023	
	VND	USD	VND	USD
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.492.606.424.410	99.116.211	5.265.965.935.896	57.957.455
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - VND</i>	2.047.802.770.333		3.864.386.780.253	
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	1.086.418.419.754		2.026.189.711.584	
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	-		749.735.776.086	
Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam)	236.165.296.507		245.605.716.104	
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	520.369.376.627		842.855.576.479	
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - CN Sài Gòn	187.053.419.893		-	
Ngân Hàng United Overseas - CN HCM	17.796.257.552		-	
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng - USD</i>	2.379.632.914.442	99.116.211	1.364.061.180.795	57.957.455
Ngân hàng TMCP Công Thương VN - CN Đồng Sài Gòn - TP.HCM	763.154.184.195	31.839.939	337.071.442.198	14.186.509
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển Việt Nam - CN Tân Bình	1.184.920.228.679	49.340.836	955.468.791.000	40.757.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương VN - CN Nam Bình Dương	431.558.501.568	17.935.436	71.520.947.597	3.013.946
<i>Vay bên liên quan dài hạn đến hạn trả và ngắn hạn</i>	-		23.600.000.000	
<i>trái phiếu</i>	55.685.663.962		-	
<i>Nợ thuê tài chính đến hạn trả</i>	9.485.075.673		13.917.974.848	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	9.110.825.667		13.418.974.840	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	374.250.006		499.000.008	
<i>Nợ thuê tài chính dài hạn</i>	61.810.641.052		35.015.526.787	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease	38.971.558.822		34.599.693.479	
Công Ty TNHH Cho Thuê Tài Chính Quốc Tế Việt Nam	22.672.748.926		-	
Công Ty Cho Thuê Tài Chính TNHH BIDV - Sumi Trust - Chi Nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh	166.333.304		415.833.308	
TỔNG	4.554.417.065.462	99.116.211	5.300.981.462.683	57.957.455

Lãi suất của các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng và công ty thuê tài chính bằng VND là từ 4,55%/năm đến 9,3%/năm và bằng USD là từ 3,6%/năm đến 5,4%/năm. Hình thức đảm bảo là tín chấp, hàng tồn kho, máy móc thiết bị, Phương tiện vận tải quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, trái phiếu.



CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á
Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương
Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn
Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN
(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023

18. TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI

	Thời điểm phát hành (năm)	Kỳ hạn	Số lượng trái phiếu	Mệnh giá (VND)	Lãi suất danh nghĩa (%/năm)	Lãi suất chiết khấu (%/năm)	Cấu phần vốn (VND)	Cấu phần nợ (VND)
Ngày 1 tháng 1 năm 2023 và Ngày 30 tháng 09 năm 2023	2014	3 năm	559.067	100.000	5	6,3	1.931.977.742	55.685.663.962

Vào ngày 17 tháng 3 năm 2014, Nhóm Công ty đã ký kết Hợp đồng Đặt mua Trái phiếu (“HĐĐMTP”) với Công ty TNHH Posco Việt Nam (“Posco”), một công ty con của POSCO và được thành lập tại Việt Nam. Vào ngày 21 tháng 3 năm 2022, Nhóm Công ty và Posco đã ký phụ lục mới nhất – Phụ lục số 8 của HĐĐMTP - ngày đáo hạn mới nhất sẽ là ngày 28 tháng 4 năm 2024.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU.

19.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư và phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm 2022							
Tại ngày 01/01/2022	1.023.228.290.000	464.371.374.500	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.958.956.116.367	3.451.918.361.339
Phát hành cổ phiếu	123.686.810.000	370.065.078.983	-	-	-	-	493.751.888.983
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	123.648.087.264	123.648.087.264
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(114.691.510.000)	(114.691.510.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(100.501.960.918)	(100.501.960.918)
Khác	-	-	-	-	-	(5.426.939.701)	(5.426.939.701)
Tại ngày 30/09/2022	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.861.983.793.012	3.848.697.926.967
Năm 2023							
Tại ngày 01/01/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.461.827.518.400	3.448.541.652.355
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	263.917.429.100	263.917.429.100
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	(312.441.993)	(312.441.993)
Tại ngày 30/09/2023	1.146.915.100.000	834.436.453.483	1.931.977.742	-	3.430.602.730	1.725.432.505.507	3.712.146.639.462

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)****19.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức cho cổ đông của công ty**

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Vốn cổ phần		
Số đầu kỳ	1.146.915.100.000	1.023.228.290.000
Tăng trong kỳ	-	123.686.810.000
Giảm trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	<u>1.146.915.100.000</u>	<u>1.146.915.100.000</u>

19.3 Cổ phiếu

	30/09/2023	01/01/2023
	VND	VND
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu được phép phát hành	114.691.510	114.691.510
Cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ phiếu đang lưu hành	114.691.510	114.691.510
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. DOANH THU****1.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<i>09T - 2023</i>	<i>09T - 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	<u>12.831.958.667.571</u>	<u>17.322.325.344.243</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu	<u>18.011.212.383</u>	<u>40.541.433.743</u>
Doanh thu thuần	<u>12.813.947.455.188</u>	<u>17.281.783.910.500</u>

1.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	<i>09T - 2023</i>	<i>09T - 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Lãi tiền gửi, cho vay, trái phiếu	176.214.040.477	135.833.676.151
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	<u>143.305.998.436</u>	<u>155.058.411.088</u>
TỔNG CỘNG	<u>319.520.038.913</u>	<u>290.892.087.239</u>

2. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	<i>09T - 2023</i>	<i>09T - 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11.987.657.612.560	15.953.167.533.967
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) hàng tồn kho	<u>5.685.811.251</u>	<u>68.254.539.406</u>
TỔNG CỘNG	<u>11.993.343.423.811</u>	<u>16.021.422.073.373</u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC)

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****3. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay, lãi thuê tài chính	239.967.603.813	163.157.975.313
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái, khác	47.205.005.569	113.491.118.745
TỔNG CỘNG	287.172.609.382	276.649.094.058

4. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Chi phí vận chuyển và giao hàng	358.619.666.892	864.409.770.978
Chi phí lương nhân viên	38.987.556.238	39.269.550.035
Chi phí quảng cáo	61.951.515.484	46.577.940.806
Chi phí dịch vụ mua ngoài	74.219.589.070	55.721.502.178
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.026.035.717	6.063.242.720
TỔNG CỘNG	539.804.363.401	1.012.042.006.717

5. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.753.553.141	26.757.718.224
Chi phí nhân viên	35.686.217.707	37.850.506.423
Chi phí khấu hao và hao mòn	6.425.364.053	8.049.745.265
Hoàn nhập dự phòng (Chi phí dự phòng) nợ phải thu khó đòi	(31.913.561.696)	33.449.018.321
TỔNG CỘNG	29.951.573.205	106.106.988.233

**CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á**

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
QUÝ III NĂM 2023****6. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Thu nhập khác	5.233.978.811	8.915.204.250
Thu nhập từ bán phế liệu	4.201.891.750	5.622.907.631
Thanh lý tài sản cố định	450.000.003	1.851.851.853
Khác	582.087.058	1.440.444.766
Chi phí khác	6.430.506.491	2.177.328.648
Tiền phạt thuế	892.246	12.132.080
Thanh lý tài sản cố định	5.642.405.436	1.714.220.881
Khác	787.208.809	450.975.687
Lợi nhuận khác	(1.196.527.680)	6.737.875.602

7. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP:

	09T - 2023	09T - 2022
	VND	VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành	11.286.542.484	29.627.112.134
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	6.795.025.028	9.918.511.562
Chi phí thuế TNDN	18.081.567.512	39.545.623.696



TON DONG A

TÔN KÉM - TÔN LẠNH - TÔN MÀU - TÔN PVDF

ISO 9001

ISO 14001

CÔNG TY CỔ PHẦN TÔN ĐÔNG Á

Địa chỉ: Số 5, Đường số 5, KCN Sóng Thần 1, Dĩ An, Bình Dương

Điện thoại: 0274-3732575 - Fax: 0274-3790420 - Website: www.tondonga.com.vn

Mã số thuế : 3700255880

Mẫu số B09 – DN/HN

(Ban hành theo TT 202/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**QUÝ III NĂM 2023****VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
Bà Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	-	294.426.660.000
		Vay	-	49.400.000.000
		Lãi vay	-	4.270.591.331
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Chi trả nợ gốc vay	23.600.000.000	-
		Lãi vay	545.578.082	1.099.824.656

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán quý. Các khoản phải thu và phải trả các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Tại ngày 30/09/2023	Tại ngày 01/01/2023
Vay ngắn hạn				
Bà Lê Thị Phương Loan	Thành viên HĐQT	Vay dài hạn đến hạn trả	-	23.600.000.000
TỔNG CỘNG			-	23.600.000.000

VII. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN(TIẾP THEO)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị ("HĐQT"), Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát như sau:

Đơn vị tính: VND

	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2023	Cho kỳ kế toán chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 09 năm 2022
Hội đồng Quản trị	314.100.000	4.054.100.000
Ban Tổng Giám đốc	7.341.527.420	11.433.346.501
Ban kiểm soát	-	115.000.000
TỔNG CỘNG	7.655.627.420	15.602.446.501

(*) Bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác.

Bình Dương, ngày 28 tháng 10 năm 2023

Người lập
(Ký, họ tên)

Võ Công Danh

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Trần Lệ Xuân

Tổng Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Hồ Song Ngọc